

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chau Khon Sốc;

- Ông Hồ Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Kim Liệu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh A tham gia phiên tòa:*
Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ 16, ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Gia, huyện T, tỉnh A; Có mặt.

Bị đơn: Ông Phù Văn P, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ 08, ấp Vĩnh Hòa, xã Lạc Quối, huyện T, tỉnh A; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông P được hình thành là do tự quen biết, sau thời gian tìm hiểu được cha mẹ tổ chức đám cưới vào năm 2015, hôn nhân có đăng ký kết hôn trễ ngày 14/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện T, tỉnh A.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ruột bà L tại địa chỉ tổ 16, ấp Vĩnh Lạc, xã Vĩnh Gia, huyện T. Cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông P thường xuyên vắng nhà, tụ tập bạn bè ăn nhậu và không quan tâm đến vợ con, kinh tế trong gia đình chỉ một mình bà lo liệu, ông P không phụ giúp gì cả, khi ăn nhậu say xỉn về còn có hành vi bạo hành với bà L. Tháng 7 năm 2020, ông P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ông tại địa chỉ tổ 08, ấp Vĩnh Hòa, xã Lạc Quới, huyện T ở cho đến nay. Bà L và ông P đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu xin ly hôn với ông P.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông P có 02 con chung tên: Phù Thị Mỹ N, sinh ngày 21/07/2015 và Phù Thị Mỹ V, sinh ngày 24/10/2016. Hiện hai con đang sống với bà L, khi ly hôn bà L yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Ông Phù Văn P có lời khai như sau: Ông P thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian và điều kiện tiến đến hôn nhân. Ông thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông P thống nhất có hai con chung đúng như lời bà L trình bày, ông đồng ý giao hai con chung cho bà L nuôi dạy, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Ông Phù Văn P nhưng ông P không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ, và qua thẩm tra tại phiên tòa; xét thấy từ cuối năm 2019 đến nay thể hiện bà L, ông P không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu được ly hôn, ông P đồng ý ly hôn. Do đó, việc bà Lyêu cầu được ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà L, giao hai con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông P; bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phù Thị Mỹ N, sinh ngày 21/07/2015 và cháu Phù Thị Mỹ V, sinh ngày 24/10/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn Bà Lê Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Phù Văn P, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông P cư trú tại huyện T, tỉnh A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Bà L và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, trong thời gian chung sống, ông P thường xuyên vắng nhà, tụ tập bạn bè ăn nhậu và không quan tâm đến vợ con, kinh tế trong gia đình chỉ một mình bà lo liệu, ông P không phụ giúp gì cả, khi ăn nhậu say xỉn về còn có hành vi bạo hành với bà L, vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2019 đến nay. Ngày 02/8/2023, Tòa án đã đến nhà ông P và ghi nhận lời khai, ông P thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019, ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P không quan tâm chăm lo cho gia đình và có hành vi bạo hành đối với bà L, bà L và ông P đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L, ông P là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà L, ông P xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh có hai con chung tên Phù Thị Mỹ N, sinh ngày 21/07/2015 và Phù Thị Mỹ V, sinh ngày 24/10/2016. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy hai con chung. Ông P đồng ý giao hai con chung tên Phù Thị Mỹ N và Phù Thị Mỹ V cho bà L nuôi dạy.

Xét thấy, hai con chung đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho hai con chung, giúp các cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu N, cháu có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ (bà L) khi cha mẹ ly hôn, do đó Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu V cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông P xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với Ông Phù Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 14/5/2019 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện T, tỉnh A cấp cho Bà Lê Thị Mỹ L và Ông Phù Văn P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phù Thị Mỹ N, sinh ngày 21/07/2015 và Phù Thị Mỹ V, sinh ngày 24/10/2016. Ông Phù Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Ông Phù Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010075 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T; Bà Lê Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

Ông Phù Văn P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của Bà Lê Thị Mỹ L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ông Phù Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh A (1);
- Chi cục THADS H. Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Oanh Đa Ra